

DANH MỤC THẨM ĐỊNH GIÁ

Kèm theo thư mời báo giá số 1000/KSBT ngày 12 tháng 6 năm 2023

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Mã số thiết bị	Số lượng	Công việc thực hiện		Trung tâm đào tạo và phát triển Sắc ký		Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam		Cty TNHH đảm bảo chất lượng VN		Kết quả xét chọn đơn giá sau giảm giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế VAT
				Bảo trì	Hiệu chuẩn	Đơn giá có thuế VAT 5% sau giảm giá 20%	Thành tiền sau giảm giá có VAT 5% của EDC	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền chưa thuế	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế		
1	2	3	4	5	8	9	11	12					
1	Máy huyết học tự động Humacount 60TS	C02/SHH H	1		x	2,940,000.00	2,940,000.00	4,200,000.00	4,200,000.00	3,800,000.00	3,800,000.00	2,940,000.00	2,940,000.00
2	Máy sinh hóa tự động TC Matrix	C09/SHH H	1		x	2,940,000.00	2,940,000.00	4,200,000.00	4,200,000.00	3,800,000.00	3,800,000.00	2,940,000.00	2,940,000.00
3	Máy đọc Elisa, Hãng: Chromate, Model: 4300	VRHT15	1	x	x	1,680,000.00	1,680,000.00	2,625,000.00	2,625,000.00	2,300,000.00	2,300,000.00	1,680,000.00	1,680,000.00
4	Máy rửa, Hãng: Bio-Rad, Model: PW40	VRHT21	1	x		840,000.00	840,000.00	840,000.00	840,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00	840,000.00	840,000.00
5	Máy ủ IPS, Hãng: Bio-Rad	VRHT13	1	x	x	672,000.00	672,000.00	840,000.00	840,000.00	400,000.00	400,000.00	400,000.00	400,000.00
6	Tủ lạnh Ariston	VRHT24	1	x		504,000.00	504,000.00	630,000.00	630,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00
7	Máy ly tâm lạnh Eppendorf	VRHT11	1	x		588,000.00	588,000.00	630,000.00	630,000.00	800,000.00	800,000.00	588,000.00	588,000.00
8	Tủ âm Memmert INB 400	B.001	1	x	x(44 ⁰ C)	672,000.00	672,000.00	735,000.00	735,000.00	600,000.00	600,000.00	600,000.00	600,000.00
9	Tủ âm Memmert INB 500	B.002	1	x	x (30, 37 ⁰ C)	672,000.00	672,000.00	735,000.00	735,000.00	600,000.00	600,000.00	600,000.00	600,000.00
10	Tủ âm JSR JSGL-153P	B.003	1	x	x(30 ⁰ C)	672,000.00	672,000.00	735,000.00	735,000.00	600,000.00	600,000.00	600,000.00	600,000.00
11	Tủ âm JSGL-30T	B.005	1	x	x(41 ⁰ C)	672,000.00	672,000.00	735,000.00	735,000.00	600,000.00	600,000.00	600,000.00	600,000.00
12	Cân kỹ thuật PA2102	B.007	1	x	x(0,5-2100g)	504,000.00	504,000.00	315,000.00	315,000.00	600,000.00	600,000.00	315,000.00	315,000.00
13	Cân kỹ thuật PA213	B.008	1	x	x(0,02-210g)	504,000.00	504,000.00	315,000.00	315,000.00	600,000.00	600,000.00	315,000.00	315,000.00
14	Nồi hấp tiệt trùng TOMY ES-315	B.015	1	x	x(121 ⁰ C)	1,008,000.00	1,008,000.00	735,000.00	735,000.00	800,000.00	800,000.00	735,000.00	735,000.00
15	Nồi hấp tiệt trùng HYRAYAMA HVE	B.016	1	x	x(121 ⁰ C)	840,000.00	840,000.00	735,000.00	735,000.00	800,000.00	800,000.00	735,000.00	735,000.00

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Mã số thiết bị	Số lượng	Công việc thực hiện		Trung tâm đào tạo và phát triển Sắc ký		Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam		Cty TNHH đảm bảo chất lượng VN		Kết quả xét chọn đơn giá sau giảm giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế VAT
				Bảo trì	Hiệu chuẩn	Đơn giá có thuế VAT 5% sau giảm giá 20%	Thành tiền sau giảm giá có VAT 5% của EDC	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền chưa thuế	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế		
16	Tủ sấy Memmert UNE 400	B.017	1	x	x(180°C)	672,000.00	672,000.00	735,000.00	735,000.00	600,000.00	600,000.00	600,000.00	600,000.00
17	Tủ an toàn sinh học cấp II ESCO	B.025	1	x	x(Theo quy định nhà sản xuất)	3,360,000.00	3,360,000.00	3,150,000.00	3,150,000.00	5,000,000.00	5,000,000.00	3,150,000.00	3,150,000.00
18	Tủ an toàn sinh học cấp II TELSTAR	B.026	1	x	x(Theo quy định nhà sản xuất)	3,360,000.00	3,360,000.00	3,150,000.00	3,150,000.00	5,000,000.00	5,000,000.00	3,150,000.00	3,150,000.00
19	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.54	1		x(44°C)	168,000.00	168,000.00	262,500.00	262,500.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
	-					-	-	-	-	-	-	-	
20	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.55	1		x(37°C)	168,000.00	168,000.00	262,500.00	262,500.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
	-					-	-	-	-	-	-	-	
21	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.56	1		x(30°C)	168,000.00	168,000.00	262,500.00	262,500.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
	-					-	-	-	-	-	-	-	
22	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.57	1		x(37°C)	168,000.00	168,000.00	262,500.00	262,500.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
	-					-	-	-	-	-	-	-	
23	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.58	1		x(41°C)	168,000.00	168,000.00	262,500.00	262,500.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
	-					-	-	-	-	-	-	-	
24	Nhiệt kế điện tử đầu dò Control Traceable 4147	B.035	1		x(180°C)	168,000.00	168,000.00	262,500.00	262,500.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
	-					-	-	-	-	-	-	-	
25	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.036	1		x(25°C, 75%)	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
26	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.037	1		x(25°C, 75%)	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
27	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.040	1		x(25°C, 75%)	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
28	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 51°C) ALLA	B.041	1		x (2°C; 8°C)	218,400.00	218,400.00	210,000.00	210,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
29	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 51°C) ALLA	B.042	1		x (2°C; 8°C)	218,400.00	218,400.00	210,000.00	210,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
30	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 51°C) ALLA	B.066	1		x (2°C; 8°C)	218,400.00	218,400.00	210,000.00	210,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Mã số thiết bị	Số lượng	Công việc thực hiện		Trung tâm đào tạo và phát triển Sắc ký		Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam		Cty TNHH đảm bảo chất lượng VN		Kết quả xét chọn đơn giá sau giảm giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế VAT
				Bảo trì	Hiệu chuẩn	Đơn giá có thuế VAT 5% sau giảm giá 20%	Thành tiền sau giảm giá có VAT 5% của EDC	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền chưa thuế	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế		
31	Nhiệt kế thủy tinh MAXIMA	B.044	1		x(115 ⁰ C; 121 ⁰ C)	218,400.00	218,400.00	210,000.00	210,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
32	Nhiệt kế thủy tinh (-19 đến 62 ⁰ C) AMA	B.045	1		x (2 ⁰ C; 8 ⁰ C)	218,400.00	218,400.00	210,000.00	210,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
33	Quả cân chuẩn E2 10g		1		x	420,000.00	420,000.00	472,500.00	472,500.00	500,000.00	500,000.00	420,000.00	420,000.00
34	Pipet thủy tinh 01ml (05 cây)		5		x(0,1-01ml)	168,000.00	840,000.00	210,000.00	1,050,000.00	150,000.00	750,000.00	150,000.00	750,000.00
35	Pipet thủy tinh 05ml (05 cây)		5		x(01-05ml)	168,000.00	840,000.00	210,000.00	1,050,000.00	150,000.00	750,000.00	150,000.00	750,000.00
36	Pipet thủy tinh 10ml (05 cây)		5		x(01-10ml)	168,000.00	840,000.00	210,000.00	1,050,000.00	150,000.00	750,000.00	150,000.00	750,000.00
37	Micropipette Eppendorf 100µl		1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
38	Micropipette Biorad 100-1000 µl		1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
39	Micropipette Human 200-1000 µl	B.061	1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00		-
40	Máy quang phổ Shimadzu UV-1800	A001-2	1		x(Độ lặp lại, độ chính xác của ABS tại 1 510nm; 543nm; 456 nm)	1,680,000.00	1,680,000.00	2,467,500.00	2,467,500.00	1,800,000.00	1,800,000.00	1,680,000.00	1,680,000.00
41	Cân phân tích Ohaus 0,1mg/210g PA214	A009	1		x	504,000.00	504,000.00	525,000.00	525,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00
42	Cân kỹ thuật Ohaus 0,01g/2100g PA2102	A009-4	1		x	420,000.00	420,000.00	315,000.00	315,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00
43	Máy đo pH METROHM	A002-3	1		x(pH 4,7,10)	504,000.00	504,000.00	630,000.00	630,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00
44	Máy đo pH HORIBA LAQUA - PH1100	A002-4	1		x(pH 4,7,10)	504,000.00	504,000.00	630,000.00	630,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00
45	Máy đo độ đục Orbeco TB200	A003	1		x(2,5,10, 20,100,800 NTU)	588,000.00	588,000.00	735,000.00	735,000.00	400,000.00	400,000.00	400,000.00	400,000.00

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Mã số thiết bị	Số lượng	Công việc thực hiện		Trung tâm đào tạo và phát triển Sắc ký		Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam		Cty TNHH đảm bảo chất lượng VN		Kết quả xét chọn đơn giá sau giảm giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế VAT
				Bảo trì	Hiệu chuẩn	Đơn giá có thuế VAT 5% sau giảm giá 20%	Thành tiền sau giảm giá có VAT 5% của EDC	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền chưa thuế	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế		
46	Máy đo độ đục cầm tay Hanna HI98703	A003-2	1		x(0,2,5,10, 20,100,800 NTU)	588,000.00	588,000.00	735,000.00	735,000.00	400,000.00	400,000.00	400,000.00	400,000.00
47	Máy đo độ dẫn cầm tay Palintest	A043	1		x(2µS/cm)	588,000.00	588,000.00	735,000.00	735,000.00	400,000.00	400,000.00	400,000.00	400,000.00
48	Nồi cách thủy JSWB 33T (Korea)	A004-2	1		x	504,000.00	504,000.00	630,000.00	630,000.00	550,000.00	550,000.00	504,000.00	504,000.00
49	Nồi cách thủy JSWB 33T (Korea)	A004-3	1		x(97°C, 70°C)	840,000.00	840,000.00	630,000.00	630,000.00	550,000.00	550,000.00	550,000.00	550,000.00
50	Tủ sấy Memmert UNE400	A013	1		x(180°C)	504,000.00	504,000.00	735,000.00	735,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00
51	Tủ sấy Memmert UNE400	A013-2	1		x(105°C)	504,000.00	504,000.00	735,000.00	735,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00
52	Lò nung LENTON ECF 12/10	A026	1		x(525°C)	672,000.00	672,000.00	840,000.00	840,000.00	500,000.00	500,000.00	500,000.00	500,000.00
53	Máy đo nhiệt độ EBRO TTX100	A040	1		x(-20 ; 4 ; 20; 97°C)	319,200.00	319,200.00	315,000.00	315,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
54	Máy đo nhiệt độ Precision C08Q61	A040-2	1		x(105°C)	168,000.00	168,000.00	262,500.00	262,500.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
55	Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	A040-03	1		x(-20 ; 4 ; 20; 97; 105°C)	369,600.00	369,600.00	262,500.00	262,500.00	300,000.00	300,000.00	262,500.00	262,500.00
56	Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử	A041	1		x(25°C	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
	Hygro-Thermometer DHT-1			75%)	-	-	-	-	-	-	-	-	
57	Tủ hút khí độc Esco EFH-5A1	A005	1	x		2,520,000.00	2,520,000.00	2,625,000.00	2,625,000.00	2,800,000.00	2,800,000.00	2,520,000.00	2,520,000.00
58	Tủ hút khí độc Esco ADC-4B1	A005-2	1	x		2,520,000.00	2,520,000.00	2,625,000.00	2,625,000.00	2,800,000.00	2,800,000.00	2,520,000.00	2,520,000.00
59	Máy cất nước cất 2 lần HAMILTON AWC/4D	A015-4	1	x		840,000.00	840,000.00	1,050,000.00	1,050,000.00	700,000.00	700,000.00	700,000.00	700,000.00
60	Máy cất đậm VELP UDK 132	A018-2	1	x		840,000.00	840,000.00	1,050,000.00	1,050,000.00	1,300,000.00	1,300,000.00	840,000.00	840,000.00
61	Tủ lạnh Lovibond	A020	1	x		504,000.00	504,000.00	630,000.00	630,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00	300,000.00

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Mã số thiết bị	Số lượng	Công việc thực hiện		Trung tâm đào tạo và phát triển Sắc ký		Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam		Cty TNHH đảm bảo chất lượng VN		Kết quả xét chọn đơn giá sau giảm giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế VAT
				Bảo trì	Hiệu chuẩn	Đơn giá có thuế VAT 5% sau giảm giá 20%	Thành tiền sau giảm giá có VAT 5% của EDC	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền chưa thuế	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế		
62	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng(-10°C) - (110°C) (mã số A043-1) (ngăn mát tủ lạnh)	A043-1	1		x(3°C)	168,000.00	168,000.00	210,000.00	210,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
63	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng(-10°C) - (110°C) (mã số A043-2) (ngăn mát tủ lạnh)	A043-2	1		x(3°C)	168,000.00	168,000.00	210,000.00	210,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
64	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân(-19°C) - (62°C) (mã số A044-1) (ngăn đông tủ lạnh)	A044-1	1		x(-15°C)	168,000.00	168,000.00	210,000.00	210,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
65	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân(-19°C) - (62°C) (mã số A044-2) (ngăn đông tủ lạnh)	A044-2	1		x(-15°C)	168,000.00	168,000.00	210,000.00	210,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
66	Cồn kế 0-35 độ rượu có nhiệt kế	A047-1	1		x	1,008,000.00	1,008,000.00	315,000.00	315,000.00	400,000.00	400,000.00	315,000.00	315,000.00
	(mã số A047-1)					-	-	-	-	-	-	-	
67	Cồn kế 35-75 độ rượu có nhiệt kế	A047-2	1		x	1,008,000.00	1,008,000.00	315,000.00	315,000.00	400,000.00	400,000.00	315,000.00	315,000.00
	(mã số A047-2)					-	-	-	-	-	-	-	
68	Micropipet Biohit (Phần Lan) 1000µl (A050)	A050	1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
69	Micropipet Hirschmann 50 µl (A048)	A048	1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
70	Quả cân chuẩn E2 5g (A045-1)	A045-1	1		x	420,000.00	420,000.00	472,500.00	472,500.00	500,000.00	500,000.00	420,000.00	420,000.00

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Mã số thiết bị	Số lượng	Công việc thực hiện		Trung tâm đào tạo và phát triển Sắc ký		Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam		Cty TNHH đảm bảo chất lượng VN		Kết quả xét chọn đơn giá sau giảm giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế VAT
				Bảo trì	Hiệu chuẩn	Đơn giá có thuế VAT 5% sau giảm giá 20%	Thành tiền sau giảm giá có VAT 5% của EDC	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền chưa thuế	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế		
71	Quả cân chuẩn E2 50g (A045-2)	A045-2	1		x	420,000.00	420,000.00	472,500.00	472,500.00	500,000.00	500,000.00	420,000.00	420,000.00
72	Quả cân chuẩn E2 100g (A045-3)	A045-3	1		x	420,000.00	420,000.00	472,500.00	472,500.00	500,000.00	500,000.00	420,000.00	420,000.00
73	Quả cân chuẩn E2 200g (A045-4)	A045-4	1		x	420,000.00	420,000.00	472,500.00	472,500.00	500,000.00	500,000.00	420,000.00	420,000.00
74	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân (-10 đến 110°C) AMA	G02-1	1		-10°C	168,000.00	168,000.00	210,000.00	210,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
75	Nhiệt kế thủy ngân chất lỏng (-1 đến 51°C)	G02-2	1		5°C	168,000.00	168,000.00	210,000.00	210,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00	150,000.00
	ALLA					-	-	-	-	-	-	-	-
76	Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử	G01-1	1		x(25°C	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
	Hygro-Thermometer DHT-1				75%)	-	-	-	-	-	-	-	-
77	Nồi hấp tiệt trùng ALP CL-32L	N.018	1	x	x(121°C)	672,000.00	672,000.00	735,000.00	735,000.00	800,000.00	800,000.00	672,000.00	672,000.00
78	Tủ An Toàn Sinh học cấp II ESCO	E.02-1	1	x	x (Theo quy định nhà sản xuất)	3,360,000.00	3,360,000.00	3,150,000.00	3,150,000.00	5,000,000.00	5,000,000.00	3,150,000.00	3,150,000.00
79	Tủ An Toàn Sinh học cấp II ESCO	N.10	1	x	x (Theo quy định nhà sản xuất)	3,360,000.00	3,360,000.00	3,150,000.00	3,150,000.00	5,000,000.00	5,000,000.00	3,150,000.00	3,150,000.00
80	Tủ pha Mix PCR ESCO	E.02-3	1	x	x	3,360,000.00	3,360,000.00	2,625,000.00	2,625,000.00	5,600,000.00	5,600,000.00	2,625,000.00	2,625,000.00
81	Micropipet Hettich 10-100 µl		2		x	294,000.00	588,000.00	315,000.00	630,000.00	250,000.00	500,000.00	250,000.00	500,000.00
82	Micropipet Hettich 2-20 µl		1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
83	Micropipet Hettich 20-200 µl		1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Mã số thiết bị	Số lượng	Công việc thực hiện		Trung tâm đào tạo và phát triển Sắc ký		Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam		Cty TNHH đảm bảo chất lượng VN		Kết quả xét chọn đơn giá sau giảm giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế VAT
				Bảo trì	Hiệu chuẩn	Đơn giá có thuế VAT 5% sau giảm giá 20%	Thành tiền sau giảm giá có VAT 5% của EDC	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền chưa thuế	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế		
84	Micropipet Hettich 100-1000 µl		2		x	294,000.00	588,000.00	315,000.00	630,000.00	250,000.00	500,000.00	250,000.00	500,000.00
85	Micropipet Eppendorf 1000 µl		1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
86	Micropipet Eppendorf 0.5-10 µl		1		x	504,000.00	504,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
87	Micropipet Hettich 0.5-10 µl		2		x	504,000.00	1,008,000.00	315,000.00	630,000.00	250,000.00	500,000.00	250,000.00	500,000.00
88	Micropipet VITLAB 8 kênh 10-300 µl		1		x	882,000.00	882,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
89	Micropipet VITLAB 8 kênh 5-50 µl		1		x	882,000.00	882,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
90	Micropipet VITLAB 100-1000 µl		1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
91	Micropipet VITLAB 20-200 µl		1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
92	Micropipet Eppendorf 100-1000 µl		1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
93	Máy Realtime PCR Rotor Gen Q (Qiagen)		2	x		2,520,000.00	5,040,000.00	2,625,000.00	5,250,000.00	2,500,000.00	5,000,000.00	2,500,000.00	5,000,000.00
94	Máy Realtime PCR DTprime 5 (DNA-TECHNOLOGY)		1	x		2,520,000.00	2,520,000.00	2,625,000.00	2,625,000.00	2,500,000.00	2,500,000.00	2,500,000.00	2,500,000.00
95	Máy Realtime PCR AriaDx (Agilent)		1	x		2,520,000.00	2,520,000.00	2,625,000.00	2,625,000.00	2,500,000.00	2,500,000.00	2,500,000.00	2,500,000.00
96	Tủ an toàn sinh học BIOBASE		1	x		3,360,000.00	3,360,000.00	4,200,000.00	4,200,000.00	2,800,000.00	2,800,000.00	2,800,000.00	2,800,000.00
97	Máy tách chiết tự động BIOER NPA 32		1	x		2,520,000.00	2,520,000.00	1,050,000.00	1,050,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Mã số thiết bị	Số lượng	Công việc thực hiện		Trung tâm đào tạo và phát triển Sắc ký		Trung tâm Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam		Cty TNHH đảm bảo chất lượng VN		Kết quả xét chọn đơn giá sau giảm giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế VAT
				Bảo trì	Hiệu chuẩn	Đơn giá có thuế VAT 5% sau giảm giá 20%	Thành tiền sau giảm giá có VAT 5% của EDC	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền chưa thuế	Đơn giá có thuế VAT	Thành tiền có thuế		
98	Máy tách chiết tự động BIOER 96		1	x		2,520,000.00	2,520,000.00	1,050,000.00	1,050,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00
99	Máy tách chiết tự động TANBEAD 96		1	x		2,520,000.00	2,520,000.00	1,050,000.00	1,050,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00
100	Máy tách chiết tự động QIAGEN Symphony		1	x		2,520,000.00	2,520,000.00	1,050,000.00	1,050,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00
101	Pipet – Nexty-100 / Watson - Nhật	(cs3)	2		x	294,000.00	588,000.00	315,000.00	630,000.00	200,000.00	400,000.00	200,000.00	400,000.00
102	Pipet – Nexty-1000 / Watson - Nhật	(cs3)	1		x	294,000.00	294,000.00	315,000.00	315,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00	200,000.00
103	Máy ù Elisa TC-92	(cs3)	1	x		672,000.00	672,000.00	840,000.00	840,000.00	500,000.00	500,000.00	500,000.00	500,000.00
	Teco Diagnostics – Mỹ					-	-	-	-	-	-	-	-
104	Máy rửa Elisa TC-94	(cs3)	1	x		840,000.00	840,000.00	840,000.00	840,000.00	1,000,000.00	1,000,000.00	840,000.00	840,000.00
	Teco Diagnostics – Mỹ					-	-	-	-	-	-	-	-
105	Máy đọc Elisa TC-96	(cs3)	1	x		1,680,000.00	1,680,000.00	2,625,000.00	2,625,000.00	2,000,000.00	2,000,000.00	1,680,000.00	1,680,000.00
	Teco Diagnostics – Mỹ					-	-	-	-	-	-	-	-
106	Kính hiển vi	(cs2)	1	x		1,260,000.00	1,260,000.00	1,050,000.00	1,050,000.00	800,000.00	800,000.00	800,000.00	800,000.00
	OLYMPUS CX21 FS1					-	-	-	-	-	-	-	-
107	Kính hiển vi	(cs2)	1	x		1,260,000.00	1,260,000.00	1,050,000.00	1,050,000.00	800,000.00	800,000.00	800,000.00	800,000.00
	OLYMPUS CX23 LED RFS1					-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng							99,346,800.00	92,610,000.00	99,015,000.00	90,400,000.00	95,650,000.00	74,011,500.00	79,261,500.00